

III/ CƯỚC TÁC NGHIỆP CONTAINER

- 1/ Cước xếp dỡ container:
- 2/ Cước đóng/rút container:
- 3/ Cước phục vụ container lạnh: (áp dụng cho container xuất nhập khẩu)

4/ Các tác nghiệp phục vụ chuyển container qua máy soi:

4.1 Cước chuyển container qua máy soi bằng xe của Cảng :

a. Chuyển từ khu hàng nhập/xuất :

Bảng 23

TT	Chu trình chuyển container	Đơn giá (VNĐ/container)		
		20' H	40' H	45' H
I	<i>Từ khu hàng nhập/xuất → máy soi. Sau đó :</i>	- Nâng container hàng tại khu hàng nhập/xuất. - Chuyển đến chỗ máy soi		
1.1	<i>→ trả xuống bãi kiểm hóa → chuyển về khu hàng nhập/xuất.</i>	- Chuyển về bãi kiểm hóa thủ công - Hạ container xuống bãi kiểm hóa thủ công - Nâng container hàng tại bãi kiểm hóa. - Chuyển về khu hàng nhập/xuất - Hạ container xuống khu hàng nhập/xuất		
		720.000	1.055.000	1.325.000
1.2	<i>→ đưa lên nhà kiểm hóa → trả về bãi kiểm hóa → chuyển về khu hàng nhập/xuất.</i>	- Chuyển lên nhà kiểm hóa - Chuyển về bãi kiểm hóa thủ công - Hạ container xuống bãi kiểm hóa thủ công - Nâng container hàng tại bãi kiểm hóa. - Chuyển về khu hàng nhập/xuất - Hạ container xuống khu hàng nhập/xuất		
		720.000	1.055.000	1.325.000
1.3	<i>→ trả lại khu hàng nhập/xuất</i>	- Chuyển trả lại khu nhập/xuất - Hạ container hàng xuống khu nhập/xuất		
		495.000	725.000	910.000
II	<i>Từ khu hàng nhập/xuất → Bãi kiểm hóa thủ công. Sau đó:</i>	- Nâng container hàng tại khu hàng nhập/xuất. - Chuyển đến bãi kiểm hóa thủ công - Hạ container xuống bãi kiểm hóa thủ công		
		250.000	365.000	460.000
2.1	<i>Từ bãi kiểm hóa → Máy soi → Trả về bãi kiểm hóa. Cộng thêm:</i>	- Nâng container tại bãi kiểm hóa thủ công - Chuyển đến chỗ máy soi. - Chuyển trả về bãi kiểm hóa thủ công - Hạ container xuống bãi kiểm hóa thủ công.		
		+495.000	+725.000	+910.000
2.2	<i>Từ bãi kiểm hóa → Máy soi → Đưa vào nhà kiểm hóa → Chuyển về bãi kiểm hóa thủ công. Cộng thêm:</i>	- Nâng container tại bãi kiểm hóa thủ công - Chuyển đến chỗ máy soi. - Chuyển container vào nhà kiểm hóa khu vực máy soi - Chuyển container về bãi kiểm hóa tập trung - Hạ container xuống bãi kiểm hóa tập trung		
		+625.000	+910.000	+1.130.000
2.3	<i>Từ bãi kiểm hóa → trả về khu hàng nhập/xuất. Cộng thêm:</i>	- Nâng container hàng tại bãi kiểm hóa. - Chuyển về khu hàng nhập/xuất - Hạ container xuống khu hàng nhập/xuất		
		+225.000	+330.000	+415.000

b. Chuyển từ khu đóng hàng/khu lạnh

Bảng 24

TT	Chu trình chuyển container	Đơn giá (VNĐ/container)		
		20' H	40' H	45' H
I	Từ khu hàng Lạnh → máy soi.	- Nâng container hàng tại khu hàng Lạnh		
	Sau đó :	- Chuyển đến chỗ máy soi		
1.1	→ trả về khu Lạnh	- Chuyển về khu Lạnh		
		- Hạ container xuống khu lạnh		
		495.000	725.000	910.000
II	Từ khu đóng hàng → máy soi.	- Nâng container hàng tại khu hàng đóng hàng		
	Sau đó:	- Chuyển đến chỗ máy soi		
2.1	→ Chuyển sang các Terminal	- Chuyển sang khu hàng xuất các Terminal		
		- Hạ container xuống bãi hàng xuất		
		+250.000	+365.000	+460.000
2.2	→ Chuyển về bãi kiểm hóa thủ công. Cộng thêm:	- Chuyển container về bãi kiểm hóa thủ công		
		- Hạ container xuống bãi kiểm hóa thủ công		
		+250.000	+365.000	+460.000

4.2. Chuyển container qua máy soi bằng xe khách hàng:

Chỉ được sử dụng xe khách hàng để thực hiện chuyển kiểm hóa qua máy soi trước khi container được hạ bãi do chuyển trực tiếp từ kho riêng khách hàng vào Cảng đối với container hàng xuất hoặc kết hợp giao nguyên container đối với container hàng nhập (kể cả container khô và container lạnh).

Bảng 25

TT	Chu trình chuyển container	Đơn giá (VNĐ/cont)		
		20' H	40' H	45' H
1	Hạ container hàng xuất từ xe khách hàng, có kết hợp chuyển kiểm hóa qua máy soi	290.000	510.000	600.000
2	Nâng container tại bãi lên xe khách hàng để giao nguyên, kết hợp chuyển kiểm hóa qua máy soi.	290.000	510.000	600.000
	<i>Trường hợp phải hạ lại container xuống bãi hàng do không hoàn tất được thủ tục Hải quan trước khi giao nguyên container, phí hạ lại container được tính bằng:</i>	290.000	510.000	600.000

* Ngoài các chu trình nêu trên, nếu có phát sinh tác nghiệp (kể cả đảo chuyển): Sẽ tính theo công đoạn phát sinh thực tế.

4.3 Phí lưu container trên xe Cảng

a. Phí lưu container trên xe Cảng phục vụ kiểm hóa: 37.000 VNĐ/giờ/mọc.

b. Thời gian lưu container hàng trên xe của Cảng được tính từ khi container được đưa đến chỗ máy soi đến khi container hoàn tất việc kiểm hóa và rời khỏi sân mọc (không bao gồm thời gian di chuyển từ bãi hàng lên khu kiểm hóa và ngược lại). Cụ thể như sau :

- 30 phút đầu : Miễn phí
- Từ 30 phút đến 60 phút : Tính = tròn 01 giờ
- Từ phút thứ 61 trở đi :
 - + Phần lẻ thập phân không quá 0,5 giờ : tính tròn = 0,5 giờ
 - + Phần lẻ thập phân trên 0,5 giờ : tính tròn = 01 giờ

5/ Các loại cước khác: